

Bản án số: 05/2018/HS-ST

Ngày 16-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lục Văn Doanh

Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nông Thanh Lù

Ông: Hà Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thị Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Dim - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

- Hoàng Văn B, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1992 tại L C, xã Q L, huyện H L, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: L C, xã Q L, huyện H L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn B2 và bà Lăng Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/12/2017. Có mặt.

- Trịnh Văn L, sinh ngày 13 tháng 4 năm 1994 tại C M Đ, xã A L, huyện H L, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: C M Đ, xã A L, huyện H L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Nh và bà Mông Thị Ng (đều đã chết); vợ: Nông Thị H; con: Có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 21/8/2017 bị Ủy ban nhân dân xã A L xử phạt 1.000.000 (một triệu) đồng về hành vi trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2017. Có mặt.

Bị hại:

- Lương Văn Ch, sinh năm 1987; nghề nghiệp: Trồng trọt.

Nơi cư trú: L C, xã Q L, huyện H L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Vi Thị Y, sinh năm 1975; nghề nghiệp: Trồng trọt.

Nơi cư trú: Bản Kh, xã V Ch, huyện H L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Nông Văn V, sinh năm 1990; nghề nghiệp: Trồng trọt.

Nơi cư trú: Ph, xã K L, huyện H L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- La Văn B, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Trồng trọt.

Nơi cư trú: S Ph, xã A L, huyện H L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trần Thị Đ, sinh năm 1985; nghề nghiệp: Kinh doanh.

Nơi cư trú: Đ H, thị trấn Th Nh, huyện H L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của người bị hại, ngày 12/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hạ Lang tiến hành bắt khẩn cấp đối với Hoàng Văn B, Qua điều tra, xác định được:

Ngày 16/11/2017, Hoàng Văn B mượn xe máy Honda Wave RSX có biển kiểm soát (BKS) 11U1 - 050.xx của Lương Văn Ch là người cùng xóm để đi mượn tiền ở xóm N T, sau khi mượn được xe, B đã đến gặp Trịnh Văn L và nhờ đứng tên để cầm đồ xe máy lấy 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng với chị Trần Thị Đ rồi mua ma túy về sử dụng và tiêu sài cá nhân. Chiếc xe này đã được Cơ quan điều tra thu hồi, trả lại cho Lương Văn Ch và được Hội đồng định giá tài sản xác định có giá trị là 15.400.000 (mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Ngày 10/12/2017 B đến xóm Bản Kh, xã V Ch gặp Nông Văn Ch và nói mượn xe đi có chút việc, nên anh Ch đã đưa xe máy Honda Wave, có BKS 11B1 - 067.xx, mang tên Vi Thị Y là vợ của anh Ch. Khi có xe, B đã điều khiển sang Trung Quốc và bán cho ông L được 900 Nhân dân tệ (NDT), rồi mua ma túy về sử dụng và tiêu sài cá nhân. Chiếc xe được định giá là 10.450.000 (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngoài 02 lần chiếm đoạt tài sản nêu trên, B còn khai nhận đã cùng Trịnh Văn L thực hiện việc chiếm đoạt đối với 02 chiếc xe máy. Qua lời khai của B, Công an huyện Hạ Lang tiến hành bắt khẩn cấp đối với Trịnh Văn L vào ngày 19/12/2017 và xác định được như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 27/11/2017, B và L đi bốc hàng thuê tại Mốc 3x, 3x thì L nhìn thấy chiếc xe Honda Wave màu sơn trắng, có BKS 11G1 - 011.xx để ở bãi đất trống. L đặt vấn đề: “Lấy con xe kia không” thì B đồng ý, sau đó cả hai cùng quay lên hang núi bên Trung Quốc ngủ, đến nửa đêm quay lại nơi để xe, B đưa tuýp sắt để L phá ổ khóa điện và đèo B trên chiếc xe này sang Trung Quốc, bán cho ông L

được 1.200 NDT rồi mua ma túy về sử dụng và chia đôi số tiền còn lại. Chủ sở hữu của chiếc xe này là anh Nông Văn V, xe được Hội đồng định giá tài sản xác định với giá là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Lần thứ hai: Ngày 04/12/2017, B rủ L đi sang Trung Quốc để mua ma túy, khi đi qua mỏ nước L S, thuộc xã A L thấy 01 xe Honda Blade màu đen, BKS 11U1 - 059.xx để ở bên cạnh đường, L nói: “xe rách thế này bán được không”, B trả lời: “Lấy được thì bán được”, L dùng “Vam” chữ T phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe đi được 300 m thì đổi xe với B, còn L điều khiển chiếc xe mà B thuê của anh Hoàng Đình H, sang Trung Quốc bán cho ông L1 được 400 NDT rồi mua ma túy về sử dụng. Chủ sở hữu của chiếc xe này là anh La Văn B, xe được định giá là 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, Trịnh Văn L còn khai nhận: Vào ngày 14/12/2017, L cùng Lương Văn B trộm 01 xe Honda Wave màu sơn vàng - đen mang sang Mốc 37 (cũ) bán cho một người đàn ông Trung Quốc được 1.300 NDT.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS HL ngày 22/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang truy tố bị cáo Hoàng Văn B về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự (BLHS). Truy tố Hoàng Văn B và Trịnh Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Văn B, Trịnh Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận. Cả 02 bị cáo đều đề nghị được xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại: Chị Vi Thị Y yêu cầu bị cáo Bằng bồi thường giá trị chiếc xe theo giá của Hội đồng định giá tài sản. Anh Nông Văn V, La Văn B yêu cầu 02 bị cáo liên đới bồi thường theo giá mà Hội đồng định giá tài sản đã xác định. Anh Lương Văn Ch yêu cầu xử lý bị cáo B theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu bồi thường vì đã nhận lại xe.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Đ yêu cầu bị cáo B có trách nhiệm trả lại số tiền cầm đồ là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” đối với tội trộm cắp và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS; áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS đối với 02 bị cáo. Xử phạt bị cáo B từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; xử phạt bị cáo B và L từ 12 tháng đến 15 tháng về tội Trộm cắp tài sản; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo B phải chịu hình phạt chung cho 02 tội từ 27 tháng đến 30 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 587, 589 Bộ luật dân sự (BLDS), buộc bị cáo B phải bồi thường giá trị chiếc xe máy cho chị Vi Thị Y với số tiền là 10.450.000 (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, trả lại cho chị Trần Thị Đ số tiền cầm đồ xe máy là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, đồng thời có trách nhiệm liên đới cùng bị cáo Trịnh Văn L bồi thường cho những người bị hại trong vụ án trộm cắp

với tổng số tiền là 22.200.000 (hai mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 BKS 11U1 - 059.xx của Nông Văn B vì xe máy đã bán sang Trung Quốc, không còn khả năng thu hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện:

Đối với Hoàng Văn B, vào ngày 16/11/2017 mượn xe máy của anh Lương Văn Ch, sau đó đem đi cầm đồ lấy với chị Trần Thị Đ 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó L là người đứng tên trong giấy biên nhận. Ngày 10/12/2017, B tiếp tục mượn xe của anh Nông Văn Ch (giấy đăng ký xe mang tên Vi Thị Y) rồi mang sang Trung Quốc bán.

Đối với Trịnh Văn L, vào ngày 27/11/2017 cùng Hoàng Văn B lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy Honda Wave α của anh Nông Văn V để tại bãi đất trống thuộc địa phận xóm P T, xã V Ch đem sang Trung Quốc bán. Ngày 04/12/2017, L cùng B tiếp tục chiếm đoạt chiếc xe Honda Blade của anh La Văn B để cạnh đường tỉnh lộ 207 thuộc địa phận xóm S S Đ, xã A L rồi mang sang Trung Quốc bán. Ngoài ra, Trịnh Văn L còn cùng Lương Văn B lén lút thực hiện việc chiếm đoạt 01 chiếc xe máy trên địa bàn thị trấn Q U, huyện Q U.

[2] Về các yếu tố cấu thành tội phạm:

Đối với Hoàng Văn B, trước khi chiếm đoạt xe máy của anh Lương Văn Ch và chị Vi Thị Y, bị cáo đều thông qua hợp đồng mượn tài sản và được những người có tài sản giao một cách ngay thẳng, sau khi có tài sản không đem trả theo thỏa thuận, mà đem đi cầm đồ và đem sang Trung Quốc bán lấy tiền. Hành vi này bị coi là Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Đối với Trịnh Văn L và Hoàng Văn B đã 02 lần lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt và mang đi bán. Hành vi này bị coi là trộm cắp tài sản. Trong đó, cả hai bị cáo đều là đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, với vai trò đều là người thực hành.

Khi thực hiện hành vi, bị cáo B và L đều có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Cả hai bị cáo đều thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích nhằm thỏa mãn cho việc chích hút ma túy. Tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt trong vụ lạm dụng tín nhiệm là 25.850.000 (hai mươi năm triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ trộm cắp là 22.200.000 (hai mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng. Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đều trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản, ảnh hưởng việc đi lại, sinh hoạt hằng ngày của chủ sở hữu, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, khiến dư luận quần chúng lo lắng và bất bình.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đầy đủ căn cứ để kết luận: Hoàng Văn B phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội trộm cắp tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 140 và khoản 1 Điều 138; Trịnh Văn L phạm tội trộm cắp

tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Lương Văn Ch do bị cáo B thực hiện, khi đi cầm đồ để lấy tiền có sự tham gia của Trịnh Văn L, nhưng L không biết đó là xe mà B đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để coi L là đồng phạm.

Đối với hành vi trộm cắp do Trịnh Văn L và Lương Văn B thực hiện tại địa bàn Q U, đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Q U truy tố về tội trộm cắp tài sản, nên không xem xét về trách nhiệm hình sự và dân sự trong vụ án này.

Đối với chiếc xe mà L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, được xác định là tài sản cho thuê của anh Hoàng Đình H, khi cho L thuê xe anh H không biết L thuê xe để đi trộm cắp nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong tội lạm dụng tín nhiệm và tội trộm cắp tài sản, đều được các bị cáo L và B thực hiện từ 02 lần, mỗi lần đều cấu thành tội phạm độc lập nên bị coi là “*Phạm tội nhiều lần*”, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

Đối với Trịnh Văn L, mặc dù là đồng phạm về tội trộm cắp với Hoàng Văn B nhưng cả 02 lần L đều là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, tham gia tích cực hơn nên phải chịu hình phạt cao hơn B. Ngoài ra, ngày 21/8/2017, L còn bị Ủy ban nhân dân xã A L xử phạt 1.000.000 (một triệu) đồng, về hành vi trộm cắp tài sản nên bị coi là tiền sự là người có nhân thân xấu.

Đối với bị cáo B do phạm 02 tội nên phải tổng hợp hình phạt theo điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử cả 02 bị cáo đều thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS cần được áp dụng khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

[5]. Về Trách nhiệm dân sự:

Đối với Hoàng Văn B, có trách nhiệm trả giá trị chiếc xe đã chiếm đoạt cho chị Vi Thị Y với số tiền là 10.450.000 (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng. Đối với chiếc xe của anh Lương Văn Ch, đã được Cơ quan điều tra thu hồi từ hiệu cầm đồ của chị Trần Thị Đ, nhưng bị cáo B đã tiêu hết số tiền cầm đồ, nên bị cáo B phải có trách nhiệm trả cho chị Đ là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đối với Trịnh Văn L và Hoàng Văn B có trách nhiệm liên đới bồi thường mỗi người $\frac{1}{2}$ cho những người bị hại là 22.200.000 (hai mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

[6] Về vật chứng: 01 Biển kiểm soát 11U1 - 059.xx là của anh La Văn B tháo để ở nhà trước khi xe bị mất trộm và được anh B nộp cho Cơ quan điều tra, nay đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Lang. Do xe đã bị bán sang Trung Quốc, không còn khả năng thu hồi nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội và phải bồi thường thiệt hại về tài sản nên phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS; đối với bị cáo Hoàng Văn B.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS đối với Trịnh Văn L.

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn B phạm 02 tội: Tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt Hoàng Văn B 18 (mười tám) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; 12 (mười hai) tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung cho cả 02 tội là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2017.

Xử phạt Trịnh Văn L 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 19 tháng 12 năm 2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 587, 589 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Hoàng Văn B có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Đ, trú tại: Đ H, thị trấn Th Nh, huyện H L, tỉnh Cao Bằng với số tiền là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Hoàng Văn B có trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe đã chiếm đoạt cho chị Vi Thị Y, trú tại: Bản Kh, xã V Ch, huyện H L, tỉnh Cao Bằng với số tiền là 10.450.000 (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bị cáo Hoàng Văn B, Trịnh Văn L có trách nhiệm liên đới bồi thường giá trị chiếc xe máy cho các bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho anh Nông Văn V, trú tại: Ph, xã K L, huyện H L, tỉnh Cao Bằng với số tiền là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm nghìn) đồng. Trong đó, bị cáo B phải chịu 4.350.000 (bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Bị cáo L phải chịu 4.350.000 (bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Bồi thường cho anh La Văn B, trú tại: S Ph, xã A L, huyện H L, tỉnh Cao Bằng với số tiền là 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Trong đó, bị cáo B phải chịu 6.750.000 (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Bị cáo L phải chịu 6.750.000 (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 Biên kiểm soát 11U1 - 059.xx của anh La Văn B vì không còn giá trị sử dụng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Hoàng Văn B, Trịnh Văn L phải chịu mỗi người 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Bị cáo Hoàng Văn B phải chịu 1.202.500 (một triệu hai trăm linh hai nghìn năm trăm) đồng; bị cáo Trịnh Văn L phải chịu 555.000 (năm trăm năm mươi lăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện Hạ Lang;
- Công an huyện Hạ Lang;
- CC.Thi hành án huyện Hạ Lang;
- UBND xã Q L, A L(bằng t/b);
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lục Văn Doanh